

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2018/DS-ST

Ngày: 03/7/2018

V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiên

Ông Võ Văn Tốt

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 614/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐST-DS ngày 09/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2018/QĐST-DS ngày 05/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị X (Có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố S, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn T

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị X, ông Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Hữu A (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/5/2018) (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:

Vào ngày 22/01/2015, tại Văn phòng Công chứng Đất Việt, bà Lê Thị X có cho ông Phạm Văn H vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 22/01/2015, lãi suất theo thỏa thuận. Lãi suất thực tế 02 bên thỏa thuận với nhau là 5%/tháng. Ông H đã nhận đủ tiền và đã trả tiền lãi của 03 tháng vay là 15.000.000đ

(Mười lăm triệu đồng) nhưng chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc nào cho bà X. Nay bà X yêu cầu ông H phải trả cho bà tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 0.75%/tháng kể từ ngày 23/4/2015 đến khi giải quyết xong vụ kiện, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà X không yêu cầu tính lại lãi suất phía ông H đã trả.

Bà X xác nhận số tiền bà cho ông H vay là tiền riêng của bà không liên quan đến chồng bà (ông Nguyễn Văn T) và không liên quan đến ai khác.

Ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông H xác nhận ngày 22/01/2015, tại Văn phòng Công chứng Đất Việt ông H có ký Hợp đồng vay tài sản của bà Lê Thị X với số tiền vay 300.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 22/01/2015, lãi suất theo thỏa thuận. Lãi suất thực tế 02 bên thỏa thuận với nhau là 5%/tháng. Ông H đã nhận đủ tiền vay và đã trả cho bà X (trả thông qua ông Nguyễn Văn T) là 530.000.000đ (trong đó trả tiền gốc là 300.000.000đ và trả tiền lãi là 230.000.000đ). Ông H không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả. Việc giao trả tiền cụ thể như sau:

- Vào khoảng tháng 01/2017 (không nhớ rõ ngày) ông H trả cho bà X 300.000.000đ (trả thông qua ông Nguyễn Văn T là chồng bà X).

- Tháng 4/2017 (không nhớ rõ ngày) ông H trả cho bà X 200.000.000đ (trả thông qua ông Nguyễn Văn T là chồng bà X).

- Tháng 5/2017 (không nhớ rõ ngày) ông H trả cho bà X 30.000.000đ (trả thông qua ông Nguyễn Văn T là chồng bà X).

Tất cả các lần trả tiền ông H đều đưa trực tiếp cho ông Nguyễn Văn T tại gara ô tô của ông T (ở ấp N, xã B, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông H xác định tổng số tiền ông đã trả cho bà X là 530.000.000đ. Ông H trực tiếp đưa tiền cho ông Nguyễn Văn T và nói ông T về nói lại cho bà X biết về việc trả tiền. Do là chỗ bạn bè thân quen nhiều năm nên ông H tin tưởng giao tiền cho ông T mà không ghi giấy tờ, tài liệu về việc giao trả tiền và khi giao tiền không có người làm chứng. Ông H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả tiền cho bà X thông qua ông T.

Số tiền ông H vay của bà X ông sử dụng vào mục đích mua xe và tiêu dùng cá nhân, không liên quan đến ai khác.

Nay bà X khởi kiện yêu cầu ông trả tiền gốc và lãi thì ông H không đồng ý vì ông đã trả hết cho bà X thông qua ông Nguyễn Văn T là chồng bà X.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là quan hệ hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 12, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12 theo các qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 05/6/2018 nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Tòa án đã tổng đạt và triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia tố tụng tại phiên tòa vào ngày 03/7/2018 nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 22/01/2015, tại Văn phòng Công chứng Đất Việt, Thành phố Hồ Chí Minh hai bên có ký Hợp đồng vay tài sản số công chứng 00604, quyền số 01TP/VPCC-SCC/HĐ-GD. Theo đó, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Phía bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn cả tiền gốc và lãi tổng cộng là 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thừa nhận có nhận số tiền trên của bị đơn nên ý kiến của bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc và lãi là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 471, khoản 1 Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/12/2017, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thêm tiền lãi theo mức lãi suất 2%/tháng trên nợ gốc kể từ ngày 23/4/2015 đến ngày giải quyết xong vụ kiện. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất 0.75%/tháng trên nợ gốc kể từ ngày 23/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, theo hợp đồng vay tài sản ký ngày 22/01/2015, lãi suất do 02 bên thỏa thuận, thực tế hai bên đều thừa nhận mức lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn 230.000.000đ tiền lãi nhưng nguyên đơn chỉ thừa nhận đã trả số tiền lãi trong hạn 15.000.000đ, các bên không yêu cầu tính lại lãi trong hạn nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với tiền lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả theo mức lãi suất 0.75%/tháng (9%/năm) trên nợ gốc kể từ ngày 23/4/2015 đến ngày 03/7/2018 tương đương số tiền là $(300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/năm) \times 1167 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 86.236.027$ (Tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn không trăm hai mươi bảy) đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 476, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, cần phải buộc bị đơn giao trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 23/4/2015 đến ngày 03/7/2018 tương ứng với

tổng số tiền là 386.236.027 (Ba trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn không trăm hai mươi bảy) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm là 19.311.801 (Mười chín triệu ba trăm mười một ngàn tám trăm lẻ một) đồng ông Phạm Văn H phải chịu.

Hoàn lại cho bà Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.175.000 (Tám triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0034590 ngày 23/10/2017 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0034935 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 các Điều 91, 93, 96, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, khoản 1 Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1. Buộc ông Phạm Văn H phải giao trả cho bà Lê Thị X toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/4/2015 đến ngày 03/7/2018, tương ứng với tổng số tiền là 386.236.027 (Ba trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn không trăm hai mươi bảy) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Phạm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.311.801 (Mười chín triệu ba trăm mười một ngàn tám trăm lẻ một) đồng.

Hoàn lại cho bà Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.175.000 (Tám triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0034590 ngày 23/10/2017 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0034935 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nội nhân:
THAẢM

- Việc kiểm soát cường cấp ;
- Chỉ cuộc Thi hành án dân sự Q12;
- Các nỗ lực;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HOÀI NÔNG XEÙT XỒU SỒ

THAẢM PHAÙN

Hoàng Thò Mai

Kính chuyển Chánh án cho đăng bản án này.

CVP Trương Hữu Hạnh

Duyệt của Chánh án:



Trương Việt Hồng